

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 21 - 3 -2025

*V/v: “Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu; Yêu cầu hủy
giấy chứng nhận QSD đất”.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga

Ông Huỳnh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 134/2022/TLST-DS ngày 09/11/2022 về việc: *“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 24/01/2025; và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2025/QĐST-DS ngày 24/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2020).

Địa chỉ: Tổ B, Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ hiện nay: Nhà may T5-Đường số A Khu Đ, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

7. Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Q - Phó chủ tịch phụ trách xã

8. Bà Đinh Thị N1, sinh năm 1924; Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- (Bà Đinh Thị N1 chết) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1 gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Ngọc K1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà F, tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bà T, Ông S1, ông N, ông K1, ông T2, ông H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn K, sinh

năm 1975; Địa chỉ: Tổ B, Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2020).

(ông K, ông B có mặt, ông Q, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2020 và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Cha bà Nguyễn Thị Hồng T là ông Nguyễn Văn T3 (chết vào năm 2002) và bà Đinh Thị N1 là chủ sử dụng thửa đất số 39 tờ bản đồ số 38 xã V được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số L 405429 trong thửa đất số 606 và một phần thửa đất số 568 tờ bản đồ số 30 bản đồ thành lập năm 1997.

Ông Nguyễn Thanh B có làm văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế và tặng cho ông Nguyễn Thanh B, tại văn bản số: 870 quyền số 01/TP/CC/SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân (UBND) xã V chứng thực ngày 17/8/2017, trong khi đó bà T không hay biết gì về việc phân chia tài sản thừa kế này, sau này bà T mới phát hiện việc ông B làm văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế và tặng cho ông B và có nhờ bà Ngô Thị V là hàng xóm giả mạo bà T để lên UBND xã ký và lăn tay thế cho bà T để làm thủ tục chuyển giao toàn bộ thửa đất này cho ông B. Sau khi ông B đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất thì ông B lại tiếp tục làm văn bản thỏa thuận với vợ ông B là bà Vũ Thị T1 để tâu tán tài sản sang đứng tên vợ chồng ông B, bà T1, cụ thể tại Văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 được UBND xã V chứng thực.

Vì vậy nay tại tòa ông đề nghị Tòa án hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/8/2017, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất của ông Nguyễn Thanh B, hủy văn bản thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thanh B đồng ý để bà Vũ Thị T1 đứng tên chung tài sản thửa đất số 39 tờ bản đồ số 38 xã V và tuyên hủy giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị T1 do bị vô hiệu trái pháp luật.

Đối với yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất cho bà Nguyễn Thị N2, ông K xin rút yêu cầu này.

Đối với bản vẽ và chứng thư thẩm định giá ông nhất trí và đề nghị Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Đối với chi phí tố tụng bà T tự nguyện chịu, nên đề nghị Tòa án không tiếp tục xem xét.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Vào năm 2017 tôi có trao đổi với mẹ tôi (bà N2) về việc thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của cha tôi khi chết chưa có chia cho ai, do khi đó bà T ở xa (Lâm Đồng), tôi có lên nhờ chính quyền địa phương chứng thực cho văn bản này nhưng do địa phương yêu cầu tất cả các con phải có mặt tại UBND xã thì mới chứng thực cho, nên tôi có nhờ bà Ngô Thị V lên UBND xã V để ký thay cho bà T, do bà V không ký được

rõ ràng nên cán bộ tư pháp yêu cầu phải lăn tay diêm chỉ nên bà V có lăn tay diêm chỉ thế cho bà T (khi đó cán bộ UBND xã cũng không biết được việc này), sau khi ký xong thì ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất đến tháng 10/2017 tức khoảng hơn 01 tháng sau thì ông lập tiếp Văn bản thỏa thuận để cho vợ ông cùng đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi bà T biết được sự việc này có làm đơn thưa ông, do nhận thấy ông làm như vậy là sai, là vi phạm quy định của pháp luật, nên nay ông đồng ý hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế và văn bản thỏa thuận giữa ông với bà T1 và hủy giấy theo yêu cầu của bà T.

Đối với bản vẽ và chứng thư thẩm định giá ông nhất trí và đề nghị Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Đối với chi phí tố tụng bà T tự nguyện chịu, nên ông không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T1 trình bày:

Trước đây bà và ông Nguyễn Thanh B là vợ chồng được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2005. Trong thời gian chung sống với ông B bà được biết vào năm 2017 ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung N, ông Nguyễn Ngọc K1, bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Anh H ông Nguyễn Thanh B cùng với mẹ của ông B là bà Đinh Thị N1 có tiến hành việc phân chia tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã V, huyện V là tài sản chung của cha mẹ ông B. Việc phân chia tài sản thừa kế và tặng cho tài sản nêu trên của gia đình ông B bà không được tham gia và chỉ nghe ông B kể lại.

Như vậy việc phân chia tài sản thừa kế và tặng cho tài sản của các thành viên trong gia đình ông B đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 38 tại xã V là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực, công nhận và giải quyết cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh B theo đúng quy định của pháp luật và được xem là tài sản riêng của ông Nguyễn Thanh B theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình số: 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014 (Luật Hôn nhân và gia đình).

Việc ông Nguyễn Thanh B đồng ý cho vợ là bà Vũ Thị T1 được đứng tên chung tài sản là thửa đất số 39 tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã V và được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Như vậy việc ông Nguyễn Thanh B tự nguyện đồng ý cho bà là vợ được đứng tên chung tài sản là thửa đất số 39 là phù hợp với quy định tại Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình, đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực, công nhận và giải quyết cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình và được xem là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Hiện nay bà và ông Nguyễn Thanh B đã ly hôn nhưng giữa ông bà chưa có bất kỳ thỏa thuận hay phán quyết nào của Tòa án đối với việc giải quyết đối với tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là thửa đất số 39 nêu trên, nên được xem là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa chia theo quy định tại Điều 59; 62 Luật hôn nhân gia đình.

Với những trình bày nêu trên cho thấy việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, không có căn cứ pháp lý và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà đã được pháp luật quy định và bảo vệ. Vì vậy bà đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Q trình bày: tại thời điểm chứng thực văn bản UBND xã phân công ông Trịnh Xuân T4 nguyên là Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã V, trực tiếp, tiếp nhận hồ sơ có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên được lưu giữ tại UBND xã V thể hiện tất cả những người có liên quan là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T3 (đã chết năm 2002) gồm: Bà Đinh Thị N1, là vợ ông T3 cùng các con gồm ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung N, ông Nguyễn Ngọc K1, bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Đình H1 và ông Nguyễn Thanh B đã nghe rõ, hiểu nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tự nguyện ký, điểm chỉ (lấn tay) vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Hiện tại sổ bộ gốc chứng thực hợp đồng giao dịch năm 2017 có số 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD đã bị thất lạc.

Bà Nguyễn Thị Hồng T cho rằng bà không biết và không tham gia tại buổi làm việc để ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế mà do các thành viên khác nhờ bà V đóng giả bà T ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Tại văn bản có cam đoan của các thành viên trong việc tự nguyện lập và phân chia di sản mà ông Nguyễn Văn T3 để lại là đúng sự thật.

Hiện tại ông Trịnh Xuân T4 (đã chết năm 2021), do đó UBND xã V không thực hiện được việc xác minh thực tế, việc những người con của bà N1 đã nhờ một người khác thay thế bà T để lên ký văn bản thay cho bà T.

Nay bà T nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu cho rằng chữ ký, lấn tay do bà Ngô Thị V ký và lấn tay thay cho bà T thì đề nghị Tòa án cho giám định chữ ký, dấu vân tay để xác định cho đúng sự thật để giải quyết vụ án được khách quan nhất.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đương sự đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định;

Về nội dung: Đối với yêu cầu hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND xã V xác nhận. Do dấu vân tay của bà T là giả đã có kết luận giám định nên có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy văn bản nêu trên. Do văn bản thỏa thuận phân chia di sản bị hủy nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất và yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị T1 đều bị vô hiệu do trái quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với hậu quả của việc yêu cầu tuyên hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế, hủy văn bản thỏa thuận nay tại tòa các bên đương sự không ai yêu cầu Tòa án xem

xét giải quyết hậu quả, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu chi phí tố tụng và đã nộp đủ, đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục đặt ra xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí DSST không có giá ngạch theo quy định.

Hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

1.1]. Áp dụng Điều 26; 35; 39 Bộ luật TTDS năm 2015 quy định căn cứ vào nơi bị đơn cư trú và nơi có bất động sản là xã V, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2]. Căn cứ vào Điều 85; 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về đại diện theo ủy quyền. Bà Nguyễn Thị Hồng T có hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K ngày 22/6/2020 được Văn phòng C, nên được chấp nhận, bà Đinh Thị N3, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Trung N, ông Nguyễn Ngọc K1, ông Nguyễn Đình T2, ông Nguyễn Anh H có hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K ngày 22/6/2020 được Văn phòng C, nên được chấp nhận. Đối với ông Nguyễn Văn K là nhận ủy quyền của nhiều người, nhưng quyền và nghĩa vụ không đối lập nhau, việc nhận ủy quyền của nhiều người hợp lệ, nên được chấp nhận.

1.3]. Ông Nguyễn Quang Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Q, Bà T1.

1.4]. Về tư cách tố tụng: Theo đại diện nguyên đơn trình bày phần diện tích đất này là của vợ chồng bà Đinh Thị N1 và ông Nguyễn Văn T3 (ông T3 chết năm 2002) năm 2017 bà N1 cùng các con lập văn bản phân chia tài sản thừa kế và nhờ bà Ngô Thị V ký thay bà Nguyễn Thị Hồng T, sau đó ông B đưa thêm vợ là bà Vũ Thị T1 vào cùng đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất được UBND xã V chứng thực, nên ngoài ra không còn ai khác liên quan đến vụ án này.

1.5]. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B cũng xác nhận ngoài những người tòa án triệu tập ra không còn ai khác liên quan, nên đề nghị Tòa án không xác định thêm ai vào tham gia tố tụng.

1.6]. Đối với bà Ngô Thị V được ông B nhờ đến ký hộ thay cho bà T. Nhận thấy bà V không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong vụ án, nên không xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nếu cần chỉ xác định là người làm chứng.

1.7]. Đối với Ngân hàng N4 Chi nhánh B1 có cho ông Nguyễn Thanh B vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng nay ông B đã trả hết nợ và được Ngân

hàng xác nhận, nên không xác định Ngân hàng N4 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

1.8]. Đối với yêu cầu trả lại QSD đất của bà T, sau đó bà không tiếp tục yêu cầu, Tòa án cũng chưa ra thông báo thụ lý đối với yêu cầu này, nay tại tòa ông K cũng không yêu cầu, nên không xem xét đến yêu cầu này.

1.9]. Đối với bà Đinh Thị N1 là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chết vào năm 2022 Tòa án đã xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N1 theo quy định.

2] Về nội dung:

2.1]. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T đề nghị Tòa án Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017; Hủy giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 284693, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 11873 do sở T cấp ngày 02/10/2017 mang tên Nguyễn Thanh B; Hủy văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 được UBND xã V chứng thực về việc ông Nguyễn Thanh B đồng ý cho vợ là bà Vũ Thị T1 được đứng tên chung tài sản thừa đất số 39, tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại xã V; Hủy giấy chứng nhận QSD đất mang tên Nguyễn Thanh B và Vũ Thị T1, nên xác định quan hệ là *“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất”*.

2.2]. Đối với yêu cầu Hủy giấy chứng nhận QSD đất và chỉnh lý trang 4 giấy chứng giấy chứng nhận QSD đất của bà T tại giấy chứng nhận QSD đất đứng tên ông Nguyễn Thanh B và chỉnh lý trang tư ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị T1, căn cứ Công văn số: 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về việc đối với Yêu cầu hủy giao dịch dân sự, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất chỉ xem xét đến hợp đồng giao dịch, chuyển nhượng thì Văn phòng đăng ký chỉnh lý lại hoặc cấp mới giấy chứng nhận QSD đất theo bản án. Vì vậy chỉ cần xem xét đến yêu cầu Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 của UBND xã V chứng thực mà không cần xem xét đến yêu cầu Hủy giấy chứng nhận QSD đất.

2.3]. Đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế và văn bản thỏa thuận giữa ông B với bà T1 và được cấp giấy chứng nhận QSD đất là có thật được các bên thừa nhận có việc thỏa thuận này, nên được ghi nhận.

2.4]. Theo lời trình bày của ông K cho rằng việc các bên thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế có ký và dấu vân tay của bà Nguyễn Thị Hồng T là hoàn toàn giả mạo, vì bà T không hay biết gì về việc thỏa thuận phân chia tài sản này, do ông B đã mạo danh bà T và nhờ bà Ngô Thị V đóng giả bà T để ký cho ông B. Xét thấy lời trình bày của ông K phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

2.5]. Tại bản tự khai của bà Ngô Thị V trình bày do bà nhà ở gần nhà ông B nên có nhờ bà sang ký hộ nên bà đồng ý ký hộ nhưng do bà không biết chữ nên bà đã lăn tay cho ông B còn cụ thể như thế nào bà không rõ, bà cũng không nhận tiền bạc gì cả,

vì là hàng xóm nên bà chỉ giúp đỡ nhau. Xét thấy lời trình bày của bà V là bà lên UBND xã V Lăn tay hộ bà T phù hợp với kết luận giám định dấu vân tay của bà, nên lời trình bày của bà là có cơ sở để chấp nhận.

2.6]. Đối với lời trình bày của ông Nguyễn Thanh B cho rằng khi làm văn bản phân chia tài sản thừa kế, ông có nhờ bà Ngô Thị V là hàng xóm lên Ủy ban nhân dân xã V để ký hộ thay bà T giúp ông, như bà V trình bày là đúng. Nay bà T đề nghị Tòa án tuyên hủy văn bản phân chia di sản thừa kế nêu trên, thì ông đồng ý. Vì thực tế dấu vân tay của bà T trong văn bản là giả, không phải của bà T. Lời trình bày của ông B là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở để chấp nhận.

2.7]. Tại văn bản số: 138/UBND ngày 05/8/2022 của UBND xã V cho rằng việc chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế không ai bị ép buộc lừa dối, nhưng người trực tiếp thực hiện soạn thảo cũng như cho các bên đương sự ký là ông Trịnh Xuân T4 nguyên là cán bộ Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã V, nhưng năm 2021 ông T4 đã chết, nên UBND xã không thể đối chiếu được cụ thể, vì vậy theo hồ sơ bà T cho rằng dấu vân tay của bà T là giả mạo, để đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan nhất, đề nghị Tòa án cho tiến hành giám định dấu vân tay của bà Ngô Thị V ký thay bà T có đúng không.

2.8]. Tại kết luận giám định số: 2831/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ giám định dấu vân tay của bà Ngô Thị V tại phần lăn tay mang tên Nguyễn Thị Hồng T đã kết luận giám định dấu vân tay do cùng một người in ra so với mẫu so sánh của bà Ngô Thị V.

2.9]. Đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017 đã xác định được dấu lăn vân tay của bà Nguyễn Thị Hồng T được ký trong văn bản bị giả mạo nên văn bản phân chia tài sản thừa kế cho ông B không có giá trị pháp lý. Do văn bản phân chia tài sản thừa kế cho ông B không có giá trị pháp lý, nên văn bản thỏa thuận tài sản giữa ông Nguyễn Thanh B với bà Vũ Thị T1 cũng không có giá trị pháp lý, do ông B đã nhờ người giả mạo chữ ký của bà T để ký lăn vân tay trong văn bản.

2.10]. Đối với yêu cầu đề nghị hủy văn bản do bị vô hiệu đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 được UBND xã V chứng thực, nhưng không ai có yêu cầu về giải quyết hậu quả của việc tuyên hủy văn bản nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết mà tách ra thành vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

2.11]. Về bản đồ đo vẽ và chứng thư thẩm định giá đương sự nhất trí và đề nghị Tòa án dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án, nên được ghi nhận.

2.15]. Từ những phân tích nêu trên. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T đề nghị Tòa án hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017 và Văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 được UBND xã V chứng thực bị vô hiệu là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu chi phí tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục đặt ra xem xét (bà T đã nộp đủ). Vì vậy Hội đồng xét xử không tiếp tục đặt ra để xem xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn là ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí DSST không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu “*Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế*” và 300.000 đồng đối với yêu cầu “*Hủy văn bản thỏa thuận*”. Tổng cộng là 600.000 đồng

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004986 và 0004987 cùng ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện V, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 85; 86; 147; 157; 165; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116; 117; 122; 127; 131 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tuyên vô hiệu văn bản phân chia tài sản thừa kế số: 870, quyền số 01/TP/CC-SCT/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã V chứng thực ngày 17/8/2017 giữa các đương sự gồm bà Đinh Thị N1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Trung N, Nguyễn Ngọc K1, Nguyễn Thị Hồng T, Nguyễn Đình T2, Nguyễn Đình H1 và Nguyễn Thanh B.

- Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận số: 1115/2017 ngày 14/10/2017 được UBND xã V chứng thực giữa ông Nguyễn Thanh B với bà Vũ Thị T1.

- Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí DSST không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu “*Hủy văn bản phân chia tài sản thừa kế*” và 300.000 đồng đối với yêu cầu “*Hủy văn bản thỏa thuận*”. Tổng cộng là 600.000 đồng.

Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004986 và 0004987 cùng ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến